

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2010

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thời	Chủ tịch
Bà Lý Thị Liên	Thành viên
Ông Lã Anh Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
Bà Lương Thị Thúy Hà	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thời	Tổng Giám đốc
Ông Lã Anh Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lý Thị Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Cao Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2010)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Thời  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011



Số: 467 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Hoàng Nam  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0145/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 3 năm 2011  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B 01- DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>262.818.952.759</b>	<b>141.331.376.594</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>23.480.799.679</b>	<b>12.746.019.707</b>
1. Tiền	111		23.480.799.679	12.746.019.707
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>100.482.260.180</b>	<b>57.748.618.204</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		71.329.636.602	41.861.436.067
2. Trả trước cho người bán	132		8.761.875.649	5.815.821.754
3. Các khoản phải thu khác	135		23.905.458.261	13.316.560.293
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.514.710.332)	(3.245.199.910)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>134.026.432.306</b>	<b>67.027.034.803</b>
1. Hàng tồn kho	141		134.076.432.306	67.027.034.803
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(50.000.000)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.829.460.594</b>	<b>3.809.703.880</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		669.257.744	1.094.377.086
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.842.467.171	2.094.712.743
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.317.735.679	620.614.051
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>247.228.363.095</b>	<b>213.360.905.967</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>238.459.645.678</b>	<b>191.860.724.517</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	206.028.326.810	174.156.072.519
- Nguyên giá	222		324.301.079.335	268.099.437.764
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(118.272.752.525)	(93.943.365.245)
2. Tài sản cố định vô hình	227		3.455.616.403	2.788.303.593
- Nguyên giá	228		3.999.100.712	3.145.822.946
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(543.484.309)	(357.519.353)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>8</b>	28.975.702.465	14.916.348.405
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.300.000.000</b>	<b>1.300.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>9</b>	771.150.000	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		1.300.000.000	1.300.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(771.150.000)	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.468.717.417</b>	<b>20.200.181.450</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.468.717.417	20.200.181.450
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>510.047.315.854</b>	<b>354.692.282.561</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>361.592.009.805</b>	<b>266.052.685.710</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>328.877.874.776</b>	<b>198.060.435.991</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	253.869.153.496	167.392.053.742
2. Phải trả cho người bán	312		53.823.189.530	15.380.456.156
3. Người mua trả tiền trước	313		1.100.492.786	679.054.443
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		3.317.902.343	2.086.067.602
5. Phải trả người lao động	315		12.260.098.913	9.172.012.312
6. Chi phí phải trả	316		1.215.149.053	1.149.936.155
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.578.057.571	490.378.885
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.713.831.084	1.710.476.696
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>32.714.135.029</b>	<b>67.992.249.719</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	11	31.117.818.364	66.172.028.455
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.596.316.665	1.820.221.264
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>148.455.306.049</b>	<b>88.639.596.851</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>148.455.306.049</b>	<b>88.639.596.851</b>
1. Vốn điều lệ	411		86.875.500.000	54.300.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.878.086.362	3.360.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		54.994.591	54.994.591
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(2.004.592.366)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		14.459.648.854	10.501.747.872
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.080.556.311	3.168.000.000
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.898.556.311	986.000.000
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.207.963.620	18.273.446.754
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>510.047.315.854</b>	<b>354.692.282.561</b>



Nguyễn Văn Thời  
Tổng Giám đốc

Lương Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 3 năm 2011



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		622.829.159.027	473.530.263.078
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2.182.436.232
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		622.829.159.027	471.347.826.846
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		486.858.854.053	386.189.413.867
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		135.970.304.974	85.158.412.979
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		8.592.378.552	10.542.025.016
7. Chi phí tài chính	22		36.296.746.966	24.468.942.418
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		22.800.562.585	19.219.135.484
8. Chi phí bán hàng	24		15.319.585.106	10.504.580.976
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		67.095.497.145	40.439.265.371
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		25.850.854.309	20.287.649.230
11. Thu nhập khác	31		1.120.355.397	86.493.889
12. Chi phí khác	32		796.342.012	22.415.465
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		324.013.385	64.078.424
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26.174.867.694	20.351.727.654
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	13	1.966.904.074	2.100.601.426
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		24.207.963.620	18.251.126.228
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	14	3.117	3.136

Nguyễn Văn Thời  
Tổng Giám đốc

Lương Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN

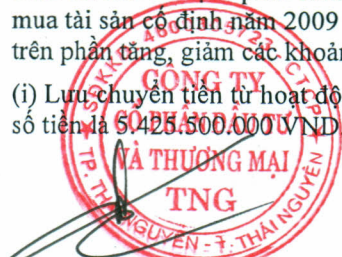
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.174.867.694	20.351.727.654
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	29.197.555.451	26.908.754.665
Các khoản dự phòng	03	1.090.660.422	125.822.462
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	3.726.636.706	-
Lỗ/ (lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(648.054.774)	(104.508.909)
Chi phí lãi vay	06	22.800.562.585	19.219.135.484
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	82.342.228.084	66.500.931.356
(Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09	(44.448.028.454)	8.613.275.590
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(67.049.397.503)	41.289.642.038
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	30.202.552.893	(37.305.950.073)
Giảm chi phí trả trước	12	13.156.583.375	7.780.094.282
Tiền lãi vay đã trả	13	(22.059.757.321)	(18.348.081.880)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.123.364.066)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.844.548.762)	(1.468.387.390)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<b>(10.823.731.754)</b>	<b>67.061.523.923</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(63.988.948.244)	(36.916.809.151)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	875.000.000	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(771.150.000)	(1.300.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	291.708.285	104.508.909
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<b>(63.593.389.959)</b>	<b>(38.112.300.242)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông (i)	31	40.668.086.362	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	531.687.523.716	385.194.027.263
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(481.986.678.393)	(405.072.862.168)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông (i)	36	(5.217.030.000)	(8.688.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<b>85.151.901.685</b>	<b>(28.566.834.905)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>10.734.779.972</b>	<b>382.388.776</b>
Tiền đầu năm	60	12.746.019.707	12.363.630.931
Tiền cuối năm	70	23.480.799.679	12.746.019.707


**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền dùng để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 13.295.063.615 VND, là số tiền dùng để mua tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, nhưng bao gồm số tiền 997.974.913 VND mua tài sản cố định năm 2009 đã được trả trong năm 2010. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

(i) Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính trong năm không bao gồm giao dịch trả cổ tức bằng cổ phiếu với tổng số tiền là 5.425.500.000 VND.



Nguyễn Văn Thời  
Tổng Giám đốc

  
Lương Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại TNG (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp nhà nước thành lập theo Quyết định 448/QĐ/UB của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bắc Thái (nay là Tỉnh Thái Nguyên) ngày 12 tháng 11 năm 1979. Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định 3744/QĐ-UB ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Thái Nguyên. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2003, Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần với Giấy phép kinh doanh số 1703000036 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 2 tháng 1 năm 2003. Từ khi thực hiện thành công chuyển đổi thành công ty cổ phần đến ngày lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty đã có mười một lần thực hiện sửa đổi Giấy phép kinh doanh vào các ngày ngày 25 tháng 3 năm 2003, ngày 17 tháng 5 năm 2005, ngày 28 tháng 12 năm 2006, ngày 16 tháng 4 năm 2007; ngày 5 tháng 9 năm 2007; ngày 08 tháng 10 năm 2007; ngày 27 tháng 5 năm 2008; ngày 23 tháng 01 năm 2009; ngày 03 tháng 8 năm 2009; ngày 10 tháng 5 năm 2010 và ngày 09 tháng 6 năm 2010. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là TNG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 6.000 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 5.170).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán hàng may mặc; sản xuất bao bì giấy, nhựa làm túi nilon, áo mưa nilon và nguyên, phụ liệu hàng may mặc; đào tạo nghề may công nghiệp; mua bán máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị phòng cháy chữa cháy; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, đầu tư xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư; vận tải hàng hóa đường bộ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi, cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh; dịch vụ xuất nhập khẩu, ủy thác xuất nhập khẩu, giao nhận hàng hóa; mua bán thiết bị vi tính, máy văn phòng, thiết bị viễn thông; dịch vụ cho thuê hosting, đăng ký tên miền, thiết kế website; dịch vụ cho thuê máy vi tính, máy chiếu, lắp đặt sửa chữa máy vi tính, máy văn phòng; mua bán máy, thiết bị, phụ tùng, vật tư cơ khí, điện; dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, cải tạo công trình cơ khí, điện nước; gia công sản phẩm cơ khí.

**2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 66.058.922.017 VND (31 tháng 12 năm 2009: 56.729.059.397 VND) do Công ty sử dụng vốn lưu động để đầu tư tài sản cố định. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào kết quả của việc phát hành cổ phiếu bổ sung (chi tiết tại thuyết minh số 16), tiếp tục nhận được các khoản vay từ ngân hàng và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Dựa trên kế hoạch kinh doanh trong năm 2011, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong năm 2011. Theo đó, Công ty đã lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>2010</b> <b>(số năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất thể hiện chi phí mua 10.706 m<sup>2</sup> quyền sử dụng đất tại phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên. Do quyền sử dụng đất này không có thời hạn, theo đó không trích khấu hao.

Các phần mềm quản lý hàng tồn kho, tiền lương, điều hành sản xuất và kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ phản ánh khoản thu nhập được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị tài sản thuần của bên nhận góp vốn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ (Tiếp theo)**

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm với số tiền là 3.726.636.706 VND.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 không thay đổi (năm 2009 tăng 2.004.592.366 VND) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty tại ngày không thay đổi so với áp dụng theo VAS10.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Trong năm 2010 Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất kinh doanh chính, cụ thể như sau:

- Ưu đãi khi doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa ngày 01 tháng 01 năm 2003: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong vòng 10 năm kể từ 2003; được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo;
- Dự án đầu tư xưởng may ba tầng xí nghiệp may Việt Đức (TNG1): thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong vòng 10 năm kể từ 2006 cho phần thu nhập tăng thêm, miễn 1 năm và giảm 50% trong 4 năm số thuế phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm;
- Dự án đầu tư nhà máy TNG Sông Công: thuế suất ưu đãi 15% cho 12 năm kể từ 2007; miễn 3 năm và giảm 50% trong 5 năm cho thu nhập phát sinh tại TNG Sông Công.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	1.529.053.438	1.887.659.215
Tiền gửi ngân hàng	21.951.746.241	10.858.360.492
	<u>23.480.799.679</u>	<u>12.746.019.707</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty đã sử dụng toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thái Nguyên.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.316.936.024	169.122.432
Nguyên liệu, vật liệu	92.632.968.336	26.618.304.539
Công cụ, dụng cụ	937.520.740	959.115.447
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.411.535.276	6.007.241.034
Thành phẩm	25.672.287.844	30.545.351.106
Hàng hóa	3.105.184.086	2.727.900.245
	<u>134.076.432.306</u>	<u>67.027.034.803</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(50.000.000)	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<u><b>134.026.432.306</b></u>	<u><b>67.027.034.803</b></u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, Công ty đã thế chấp giá trị hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1 triệu USD để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 31/12/2009	117.866.282.812	135.597.544.707	12.501.568.626	2.134.041.619	-	268.099.437.764
Mua trong năm	20.850.000	18.178.034.804	4.982.660.006	639.667.299	250.868.855	24.072.080.964
Đầu tư XDCB hoàn thành	37.581.286.188	-	-	-	-	37.581.286.188
Tăng khác	-	-	-	-	25.252.832	25.252.832
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.643.453.544)	(557.403.182)	-	-	(5.200.856.726)
Phân loại	-	-	-	-	(276.121.687)	(276.121.687)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>155.468.419.000</b>	<b>149.132.125.967</b>	<b>16.926.825.450</b>	<b>2.773.708.918</b>	<b>-</b>	<b>324.301.079.335</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 31/12/2009	17.186.404.688	73.802.325.211	2.157.801.017	796.834.329	-	93.943.365.245
Khấu hao trong năm	7.635.625.764	19.073.503.942	1.931.314.485	371.146.304	-	29.011.590.495
Thanh lý	-	(4.383.890.942)	(298.312.273)	-	-	(4.682.203.215)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>24.822.030.452</b>	<b>88.491.938.211</b>	<b>3.790.803.229</b>	<b>1.167.980.633</b>	<b>-</b>	<b>118.272.752.525</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2010	130.646.388.548	60.640.187.756	13.136.022.221	1.605.728.285	-	206.028.326.810
Tại ngày 31/12/2009	100.679.878.124	61.795.219.496	10.343.767.609	1.337.207.290	-	174.156.072.519

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 và 11, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 14.706.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và 85.602.206.612 VND để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thái Nguyên.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 26.675.022.372 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 18.650.661.659 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

	2010 VND	2009 VND
Tại ngày 01 tháng 01	14.916.348.405	9.053.581.877
Tăng	51.717.909.748	17.128.921.322
Kết chuyển sang tài sản cố định	(37.581.286.188)	(11.266.154.794)
Giảm khác	(77.269.500)	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>28.975.702.465</b>	<b>14.916.348.405</b>

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	771.150.000	-

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái	Thái Nguyên	49	49	Xây lắp điện

Tính đến thời điểm hiện tại Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái chưa cung cấp được số liệu báo cáo tài chính năm 2010. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lỗ Công ty phải gánh chịu theo tỷ lệ vốn góp sẽ bằng đúng giá trị Công ty đã góp vốn. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Bắc Thái tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 với số tiền là 771.150.000 VND.

**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (i)	69.538.071.348	42.835.877.290
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên (ii)	93.329.157.439	79.240.908.287
Công ty Tài chính Dệt may Việt Nam (iii)	15.788.475.411	2.180.000.000
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam (iv)	30.451.376.458	-
Khoản vay ngắn hạn khác (v)	1.548.732.900	1.550.683.500
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		
Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	43.213.339.940	41.584.584.665
	<b>253.869.153.496</b>	<b>167.392.053.742</b>

- i. Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 220/2010/11379 ngày 07 tháng 6 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 90 tỷ đồng Việt Nam (bao gồm cả vay VND và USD) với mục đích phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động và mở L/C nhập khẩu của Công ty. Khoản vay bằng VND chịu lãi theo tỷ lệ lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau cộng với biên độ tối thiểu 3,2%/năm nhưng không thấp hơn 14%/năm. Khoản vay bằng USD chịu lãi theo tỷ lệ lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ tối thiểu 3%/năm nhưng không thấp hơn 6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bởi máy móc thiết bị may công nghiệp với giá trị là 1.640 triệu VND, nhà xưởng và quyền sử dụng đất Văn phòng Công ty với giá trị là 14.706 triệu VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- ii. Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 01/09/469075 ngày 02 tháng 7 năm 2009, Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng ngắn hạn ngày 16 tháng 8 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 155 tỷ VND (bao gồm cả vay bằng VND và USD) nhằm bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản của Công ty, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác (nếu có), các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng và các hình thức bảo đảm khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- iii. Khoản vay từ Công ty Tài chính Dệt may Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 23/10/109/KU với lãi suất 1,125%/tháng và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 33/2010/HĐKT ngày 01 tháng 11 năm 2010 với hạn mức là 20 tỷ đồng, lãi suất cho vay cụ thể được xác định cho từng lần vay vốn do hai bên thỏa thuận được thể hiện trên Khế ước nhận nợ vay. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- iv. Khoản vay từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam theo Thư gia hạn đề nghị cung cấp tiện ích chung tài khoản số 002-107027 ngày 20 tháng 4 năm 2010 với hạn mức tín dụng là 2 triệu USD hoặc tương đương bằng VND nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động của Công ty. Với khoản vay dành cho nhập khẩu và tiện ích chiết khấu hóa đơn, lãi suất được tính bằng lãi suất cho vay cơ bản USD của thời hạn tương ứng cộng với 2,5 %/năm (đối với khoản vay bằng USD) hoặc lãi suất cho vay cơ bản VND của thời hạn tương ứng cộng với 2,5%/năm (đối với khoản vay bằng VND). Với khoản vay phục vụ mở tín dụng chứng từ, phí mở tín dụng chứng từ là 0,1%/tháng (tối thiểu là 1 triệu VND, tối đa là 60 triệu VND). Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp các khoản phải thu của Công ty với trị giá 2 triệu USD, hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho với trị giá 1 triệu USD.
- v. Khoản vay khác từ cán bộ công nhân viên của Công ty nhằm phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động của Công ty với các mức lãi suất như sau: 3%/năm cho khoản vay không kỳ hạn, 11,7% cho khoản vay kỳ hạn 3 tháng và 12% cho khoản vay kỳ hạn 6 tháng.

**11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên	25.368.880.000	63.329.431.255
Vay dài hạn khác	5.748.938.364	2.842.597.200
	<b>31.117.818.364</b>	<b>66.172.028.455</b>

Các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 23 tháng 3 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 78,918 tỷ đồng Việt Nam trong thời hạn 5 năm phục vụ cho nhu cầu xây dựng nhà máy TNG Sông Công của Công ty. Khoản vay này chịu lãi bằng lãi suất tiết kiệm bình quân 12 tháng trả sau của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên cộng phí tối thiểu 4%/năm cho những khoản vay bằng đồng Việt Nam và lãi suất SIBOR 12 tháng cộng tối thiểu 3,2%/năm cho những khoản vay bằng đô la Mỹ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2007/HĐ ngày 14 tháng 12 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 72,089 tỷ VND trong thời hạn 5 năm phục vụ cho nhu cầu xây dựng nhà máy TNG Sông Công - Giai đoạn 2 của Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm bình quân 12 tháng trả sau của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên cộng phí tối thiểu 4%/năm cho những khoản vay bằng đồng Việt Nam và lãi suất SIBOR 12 tháng cộng tối thiểu 3,2%/năm cho những khoản vay bằng đô la Mỹ.
- Các khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên được đảm bảo bằng nhà xưởng và máy móc, thiết bị hình thành từ khoản vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 85.602.206.612 VND.

Các khoản vay được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	43.213.339.940	41.584.584.665
Trong năm thứ hai	28.186.880.000	42.300.176.651
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.930.938.364	23.871.851.804
	<b>74.331.158.304</b>	<b>107.756.613.120</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	43.213.339.940	41.584.584.665
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>31.117.818.364</b>	<b>66.172.028.455</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG**

Số 160, đường Minh Cầu, thành phố Thái Nguyên

Tỉnh Thái Nguyên, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	54.300.000.000	3.360.000.000	54.994.591	-	4.587.587.205	1.197.000.000	-	19.714.160.697	83.213.742.493
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	18.251.126.228	18.251.126.228
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(8.688.000.000)	(8.688.000.000)
Trích quỹ	-	-	-	-	5.914.160.667	1.971.000.000	986.000.000	(11.026.160.697)	(2.155.000.030)
Chênh lệch tỉ giá đánh giá lại cuối năm cuối năm	-	-	-	(2.004.592.366)	-	-	-	-	(2.004.592.366)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	22.320.526	22.320.526
<b>Số dư tại ngày 01/01/2010</b>	<b>54.300.000.000</b>	<b>3.360.000.000</b>	<b>54.994.591</b>	<b>(2.004.592.366)</b>	<b>10.501.747.872</b>	<b>3.168.000.000</b>	<b>986.000.000</b>	<b>18.273.446.754</b>	<b>88.639.596.851</b>
Tăng vốn trong năm (i)	32.575.500.000	13.518.086.362	-	-	-	-	-	-	46.093.586.362
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	24.207.963.620	24.207.963.620
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	-	-	(10.642.530.000)	(10.642.530.000)
Trích quỹ (iii)	-	-	-	-	3.957.900.982	912.556.311	912.556.311	(7.630.916.754)	(1.847.903.150)
Hoàn nhập bút toán đánh giá chênh lệch tỉ giá năm trước	-	-	-	2.004.592.366	-	-	-	-	2.004.592.366
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>86.875.500.000</b>	<b>16.878.086.362</b>	<b>54.994.591</b>	<b>-</b>	<b>14.459.648.854</b>	<b>4.080.556.311</b>	<b>1.898.556.311</b>	<b>24.207.963.620</b>	<b>148.455.306.049</b>

(i): Ngày 11 tháng 6 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 489/UBCK-GCN ngày 4 tháng 1 năm 2010 với số lượng chứng khoán niêm yết bổ sung là 3.257.550 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 86.875.500.000 VND.

(ii): Trong năm, Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2009 cho các cổ đông bằng cổ phiếu để tăng vốn điều lệ tương ứng 5.425.500.000 VND và chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 5.217.030.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 25 tháng 4 năm 2010.

(iii) Việc trích quỹ trong năm của Công ty thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2010.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.174.867.694	20.351.727.654
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.048.815.899</b>	<b>(6.755.683.786)</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	6.938.883.786
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.048.815.899	183.200.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>27.223.683.593</b>	<b>13.596.043.868</b>
<i>Trong đó: Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chính</i>	27.223.683.593	7.518.063.604
<i>Thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác</i>	-	6.077.980.264
Thuế suất	7,5%;10% và 20% 25%	10% 25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.304.125.207</b>	<b>2.271.301.426</b>
Trừ: Chi phí cho lao động nữ (i)	133.800.000	170.700.000
Giảm thuế thu nhập năm 2009 theo công văn 7250 (ii)	1.203.421.133	-
<b>Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.966.904.074</b>	<b>2.100.601.426</b>

- (i) Trong năm 2010, Công ty đã thực hiện hạch toán, theo dõi riêng các khoản chi cho lao động nữ trong năm và thực hiện giảm trừ trực tiếp vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp với số tiền 133.800.000 VND theo hướng dẫn tại Phần H, mục IV, điểm 1 Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thi hành Nghị định số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền giảm trừ này chưa có quyết định cuối cùng của cơ quan thuế địa phương. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh (nếu có) khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2010.
- (ii) Công ty xác định lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009 theo quy định tại Công văn số 7250/BTC-TCT ngày 07 tháng 6 năm 2010 của Tổng Cục thuế “Hướng dẫn một số nội dung cần lưu ý khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009”.

**14. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	2010 VND	2009 VND
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>24.207.963.620</b>	<b>18.251.126.228</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận thuần để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>24.207.963.620</b>	<b>18.251.126.228</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.765.771	5.819.026
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.117</b>	<b>3.136</b>
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 12 - Nguồn vốn chủ sở hữu, trong năm 2010, Công ty quyết định thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2009 cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 tương ứng với số cổ phần tăng thêm là 542.550 cổ phần (tương đương với số tiền 5.425.500.000 VND). Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2009 được tính toán lại theo số lượng cổ phiếu phổ thông tăng lên do phát hành cổ phiếu thưởng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.203.946.000	839.528.705

**16. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngày 24 tháng 01 năm 2011, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2010 cho các cổ đông với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt là 8.687.550.000 VND.

Ngày 15 tháng 3 năm 2011, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên thành 134.613.250.000 VND (tăng vốn điều lệ thêm 47.737.750.000 VND). Hiện tại Công ty đang tiến hành các thủ tục đăng ký lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi vốn điều lệ. Bên cạnh đó, Công ty đang hoàn thiện hồ sơ và dự kiến trong tháng 4 năm 2011 sẽ trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước để niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành tăng thêm lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

**17. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

- Công ty có cam kết bán 14 xe ô tô cho một số cán bộ quản lý của Công ty với nguyên giá và khấu hao lũy kế đang phản ánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tương ứng là 7.894.967.916 VND và 2.010.508.618 VND. Cam kết này sẽ được thực hiện sau 3 năm kể từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.
- Công ty có cam kết tiếp tục góp đủ 15% vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Cung ứng Vật tư Dệt may Việt Nam. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã góp được 1,3 tỷ VND.
- Số dư cam kết thư tín dụng không hủy ngang do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Thái Nguyên; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Thái Nguyên và Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - chi nhánh Hà Nội mở theo yêu cầu của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 với số tiền lần lượt là 191.616,25USD; 1.067.955,19 USD và 148.304,91 USD.

**18. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.



Nguyễn Văn Thời  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Lương Thị Thúy Hà  
Kế toán trưởng

\*\*\*